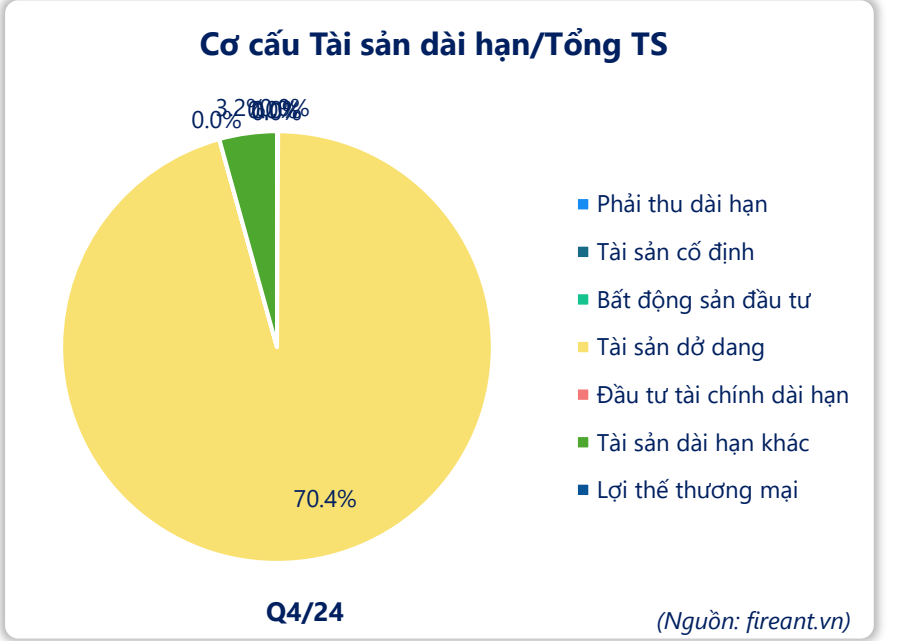
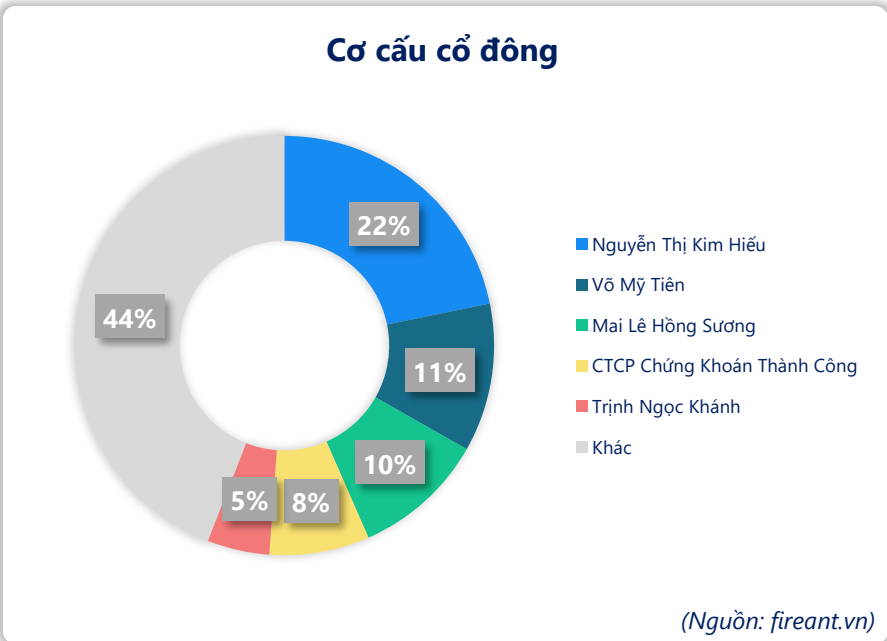
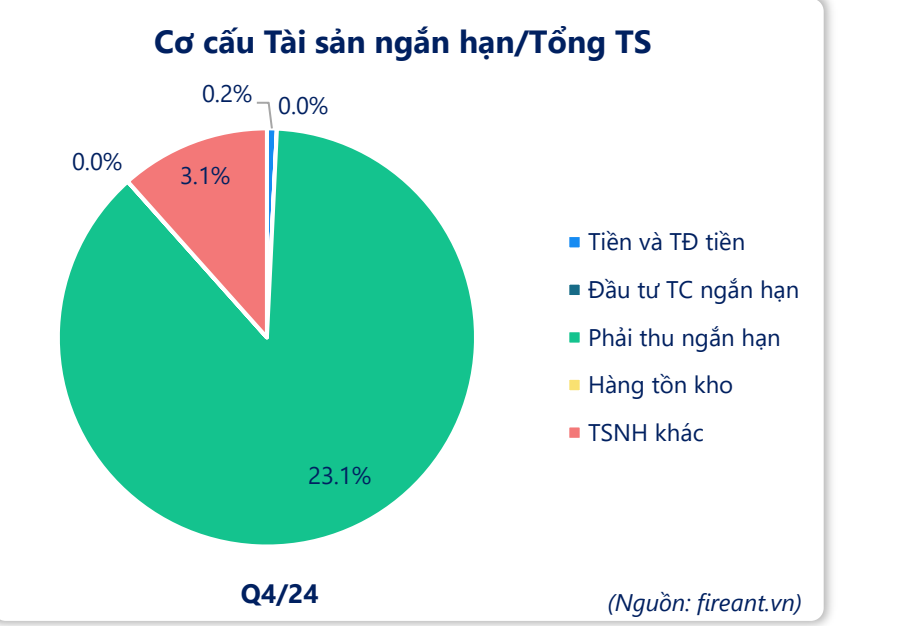
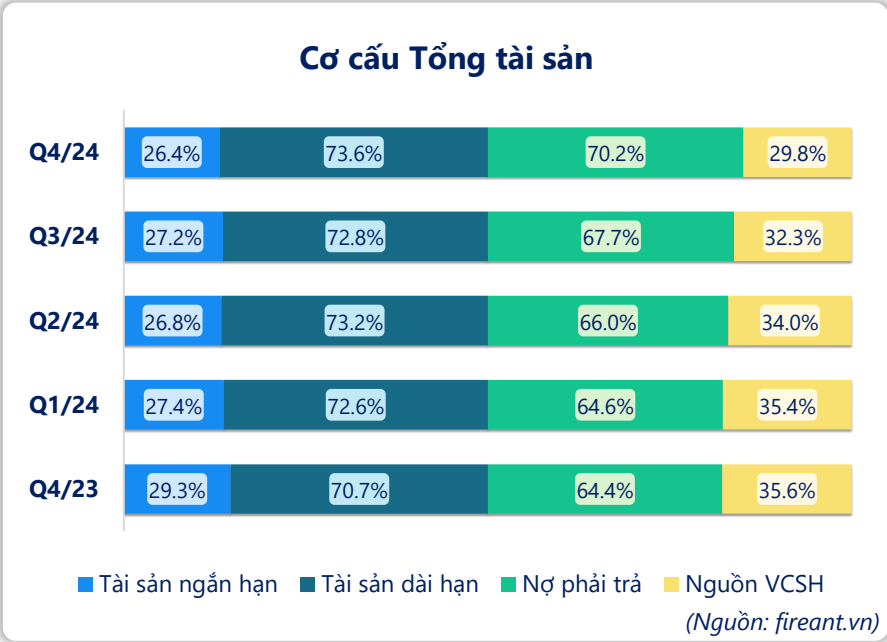
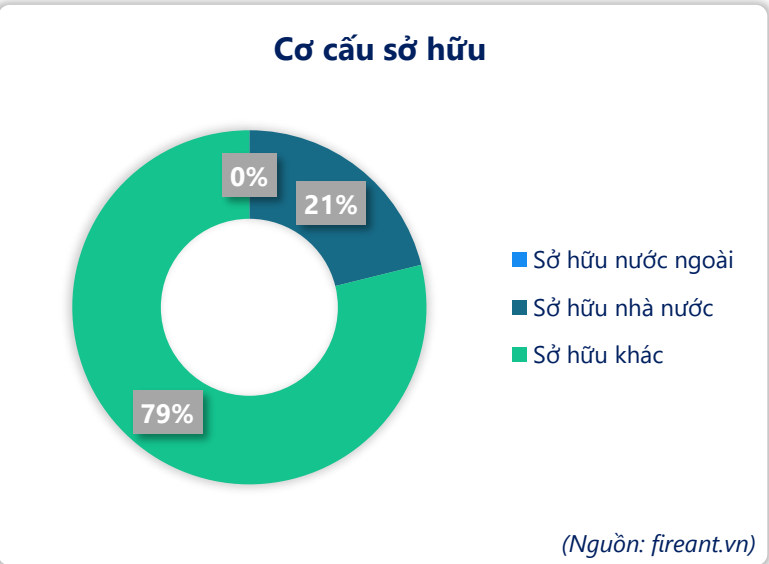
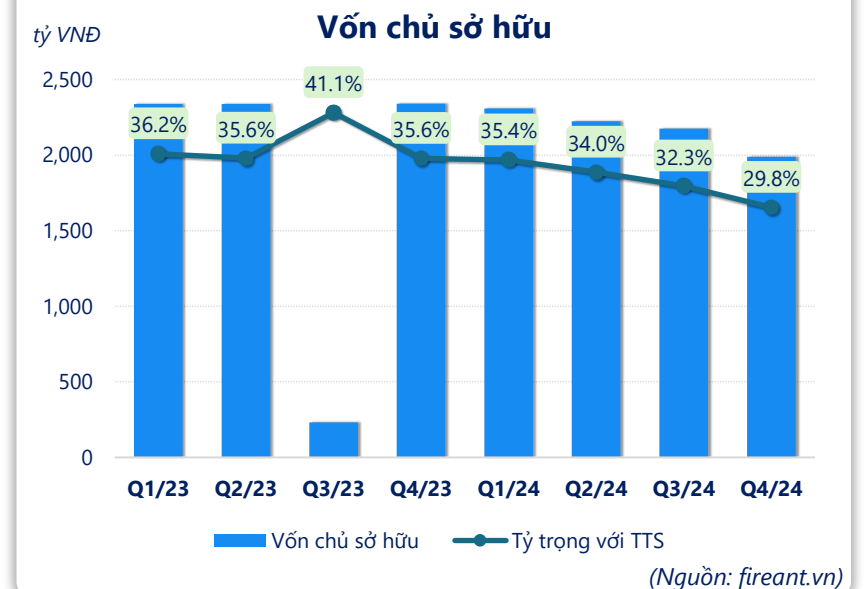
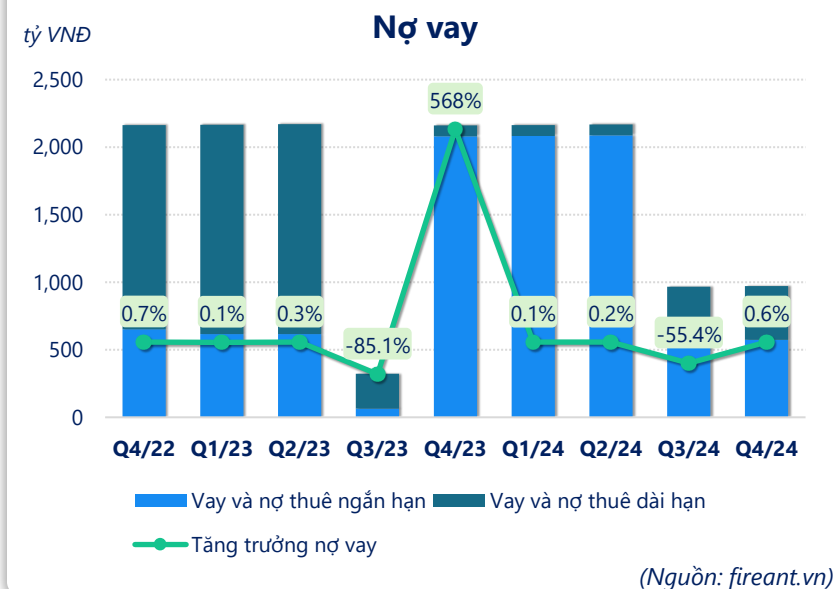
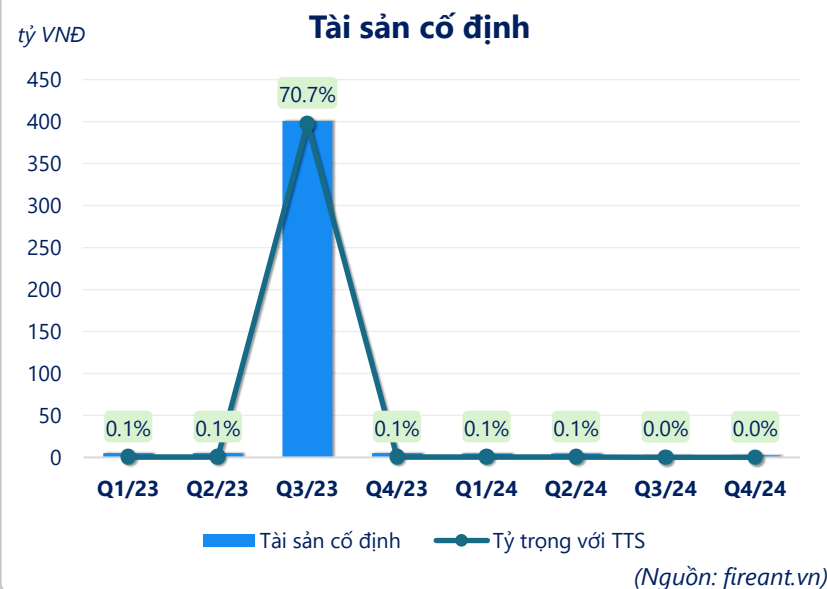
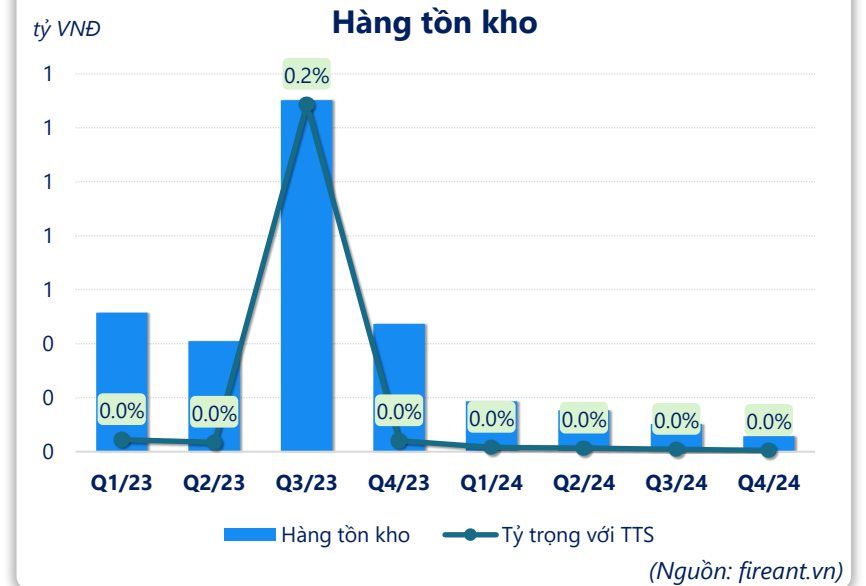
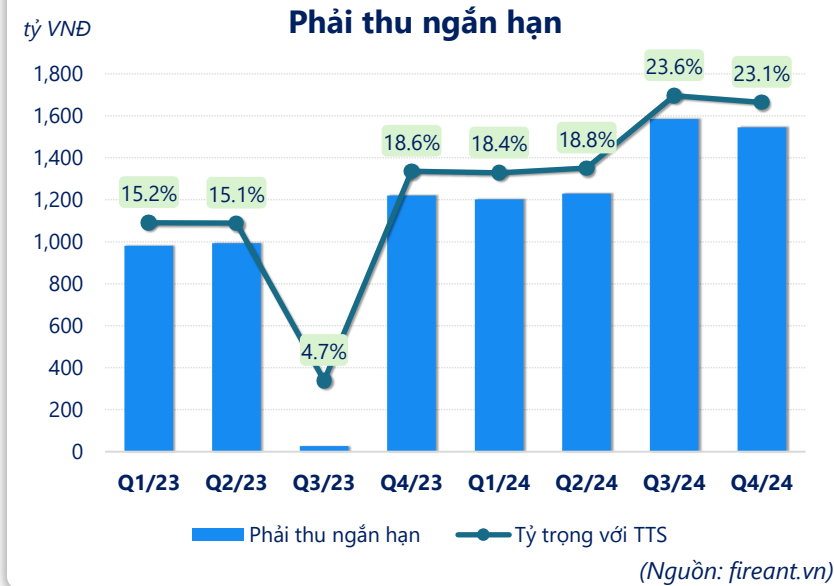
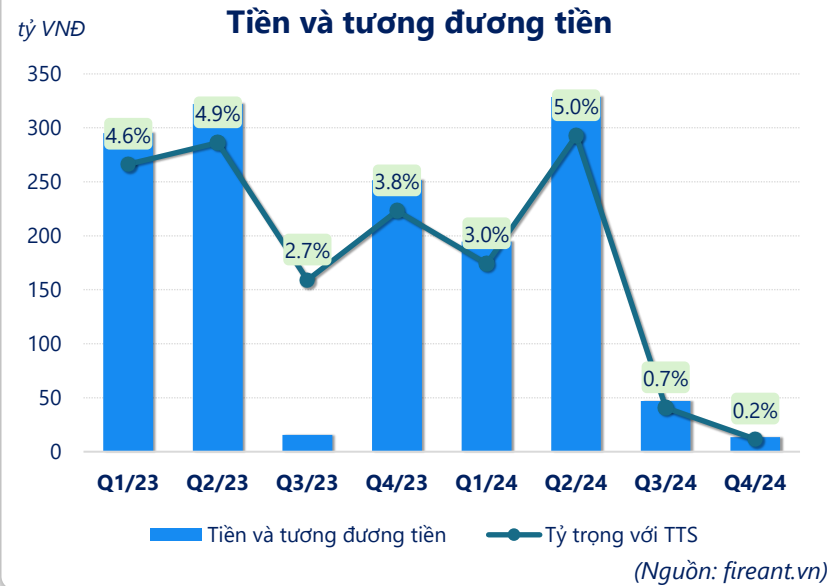
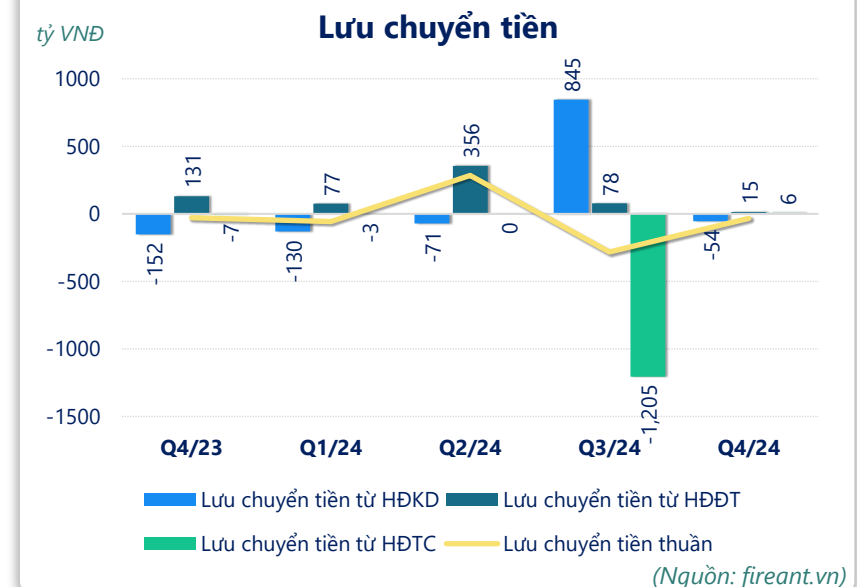
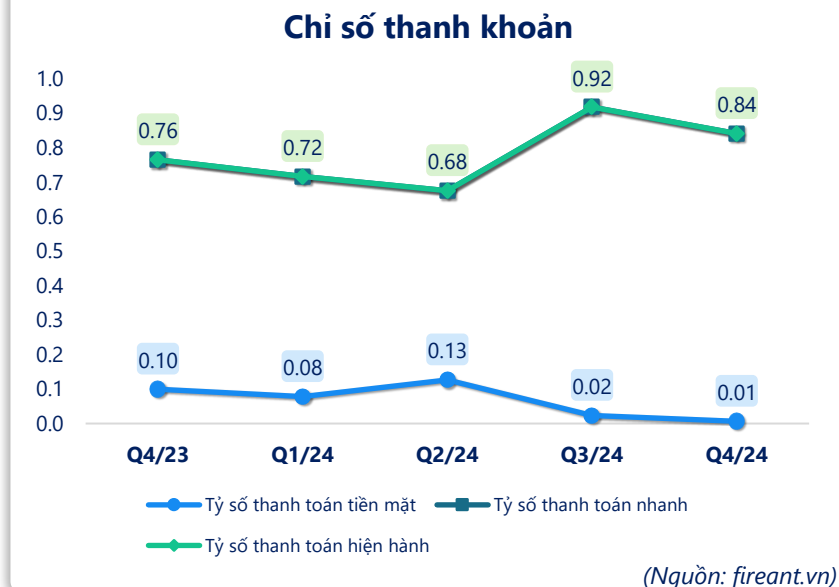
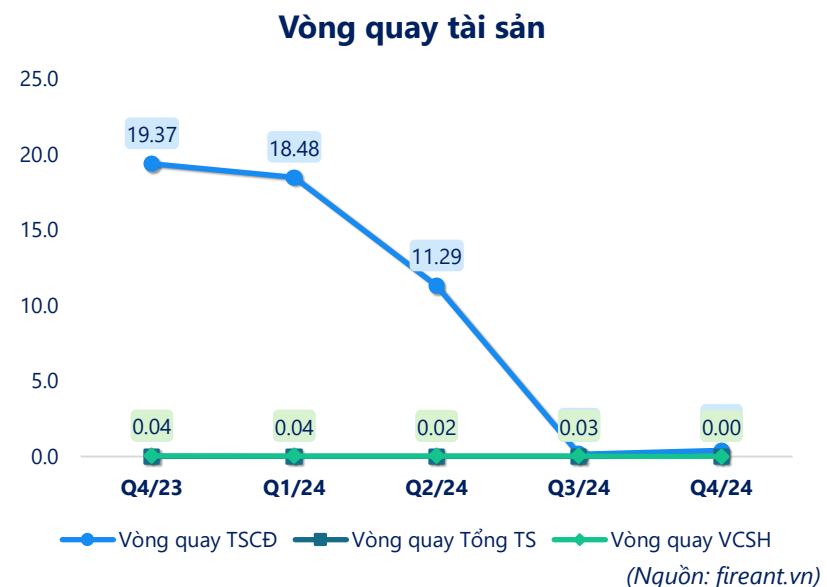
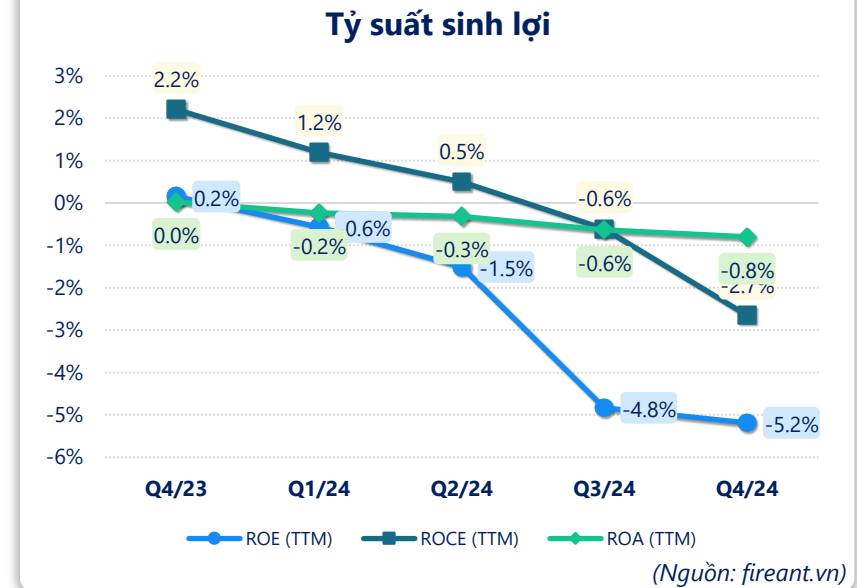
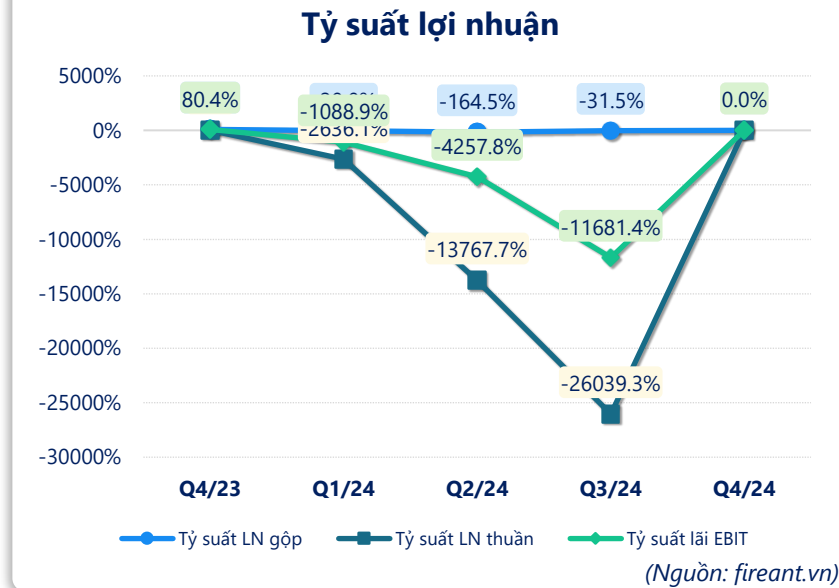
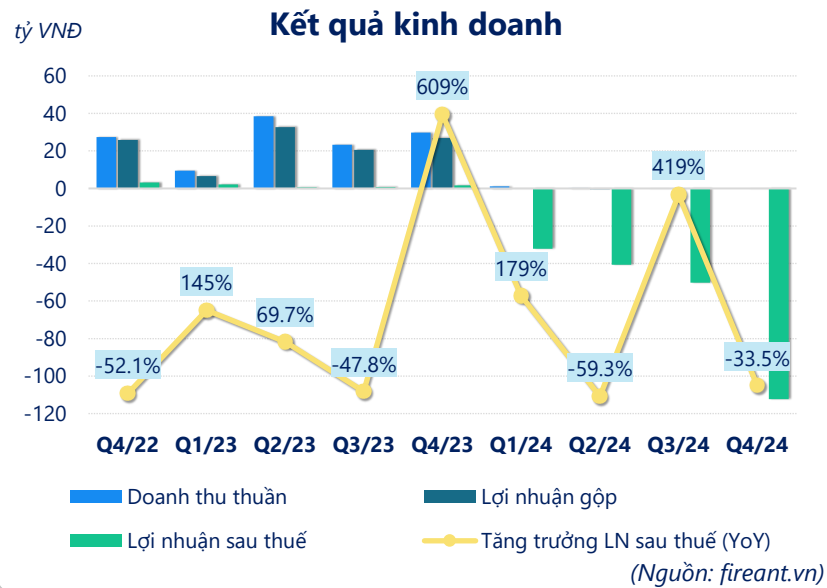


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		2,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		91,804,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)		95,315
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		257
P/E		-2.3
EPS		-1,224

	YTD	1T	3T	6T
HTP		-3.4%	3.7%	-62.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,683	6,575	1.6%
Tài sản ngắn hạn	1,763	1,930	-8.6%
Tiền và tương đương tiền	13.4	251	-94.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	260	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	1,545	1,220	26.6%
Hàng tồn kho	0.06	0.47	-87.9%
Tài sản ngắn hạn khác	204	197	3.7%
Tài sản dài hạn	4,920	4,646	5.9%
Phải thu dài hạn	1.89	0.43	340%
Tài sản cố định	2.31	4.96	-53.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,704	4,445	5.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.20	0.17	15.0%
Tài sản dài hạn khác	212	194	9.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,693	4,234	10.8%
Nợ ngắn hạn	2,097	2,523	-16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	572	2,080	-72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.3	89.4	6.5%
Nợ dài hạn	2,596	1,711	51.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	400	80.1	399%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,990	2,342	-15.0%
Vốn chủ sở hữu	1,990	2,342	-15.0%
Vốn điều lệ	918	918	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	29.8	1.14	0.21	0.16	0
Giá vốn hàng bán	2.96	1.37	0.55	0.21	0.04
Lợi nhuận gộp	26.8	-0.23	-0.34	-0.05	-0.04
Doanh thu HĐTC	23.7	15.0	24.2	18.2	16.5
Chi phí TC	40.4	39.3	46.8	54.4	102
Chi phí lãi vay	21.4	19.6	20.5	22.6	17.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.03	0	0	0
Chi phí QLDN	8.92	5.42	5.78	5.42	6.06
LN thuần từ HĐKD	1.20	-30.0	-28.7	-41.6	-91.5
Lợi nhuận khác	1.34	-1.97	-0.64	0.29	-0.49
LN trước thuế	2.54	-32.0	-29.3	-41.3	-92.0
Lợi nhuận sau thuế	1.69	-32.2	-40.6	-50.2	-112
LNST của CĐ cty mẹ	1.34	-15.4	-20.9	-23.2	-52.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-152	-130	-71.0	845	-54.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	131	76.7	356	77.8	15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.58	-3.21	-0.36	-1,205	5.85
Tiền đầu kỳ	280	251	195	329	46.9
Lưu chuyển tiền thuần	-28.0	-57.0	284	-282	-33.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	251	195	329	46.9	13.4

(Nguồn: fireant.vn)